

Số: 114/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.
- Anh Lê Văn B, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã H, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 28/7/2010 (Giấy CNKH số 14). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh B và chị N chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 04 năm 2023 đến nay. Nay anh B và chị N xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh B và chị N thống nhất khai nhận vợ chồng có 03 con chung, tên là Lê Nguyễn Ái N1, sinh ngày 07/7/2011; Lê Nguyễn Nhã U, sinh ngày 28/9/2012 và Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/3/2019.

Nay ly hôn anh B và chị N tự nguyện thỏa thuận: Anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Nguyễn Ái N1, sinh ngày 07/7/2011. Chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Nhã U, sinh ngày 28/9/2012 và Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/3/2019 cho đến khi các cháu N1, U, L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh B và chị N thống nhất thỏa thuận anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/3/2019 mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** anh B và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không can thiệp.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm:** anh B và chị N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 02/12/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn B (Giấy CNKH số 14 ngày 28/7/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng).

1.2. *Về con chung:* Sau ly hôn anh Lê Văn B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Nguyễn Ái N1, sinh ngày 07/7/2011. Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Nhã U, sinh ngày 28/9/2012 và Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/3/2019 cho đến khi các cháu N1, U, L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh B và chị N thống nhất thỏa thuận anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/3/2019 mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: anh B và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không can thiệp.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh B và chị N đã nộp theo biên lai thu số 0006424 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng